

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu:

- Tên gói thầu: XL01.D6 Thi công xây dựng công trình Cải tạo Trung tâm Dị ứng Miễn dịch lâm sàng và Viện Giám định Y khoa

- Tên dự án: Cải tạo Trung tâm Dị ứng Miễn dịch lâm sàng và Viện Giám định Y khoa

- Nguồn vốn: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện Bạch Mai

- Địa điểm xây dựng: Bệnh viện Bạch Mai, số 78 Đường Giải Phóng, phường Kim Liên, Hà Nội;

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Bạch Mai

- Quy mô công trình: Theo nội dung hồ sơ thiết kế kèm theo E-HSMT

2. Thời hạn hoàn thành: 150 ngày.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

- Thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành công trình là: 150 ngày.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Văn bản quy phạm pháp luật, quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

Việc thi công và nghiệm thu: phải theo đúng các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng Việt Nam (TCVN) hoặc tiêu chuẩn xây dựng (TCXD) và các quy định khác của pháp luật được áp dụng cho gói thầu và còn hiệu lực.

Trong trường hợp, một số văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn trong hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật đính kèm E-HSMT không còn hiệu lực thi hành thì nhà thầu bổ sung, thay thế, áp dụng bằng các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn còn hiệu lực.

2. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng hàng hóa, vật tư, máy móc, thiết bị.

- Tất cả vật tư, thiết bị phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị. Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của vật tư, thiết bị; có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

- Các thiết bị phục vụ thi công phải là những thiết bị tốt, có công suất phù hợp và được kiểm nghiệm theo định kỳ. Chủng loại vật tư, vật liệu phải tuân thủ

theo đúng hồ sơ thiết kế quy định và theo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, được nghiệm thu và thử nghiệm theo quy phạm quy định.

- Nhà thầu phải xuất trình trong HSDT của mình hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết cung cấp vật tư thiết bị đưa vào thi công công trình của nhà sản xuất, nhà phân phối các vật tư thiết bị tại Việt Nam. Nhà thầu phải có tài liệu kỹ thuật kèm theo của các loại hàng hoá vật tư, thiết bị chủ yếu mà nhà thầu đề xuất cung cấp cho công trình.

- Nhà thầu phải cam kết xuất trình các loại giấy tờ liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ (C/O đối với vật liệu, thiết bị, phụ kiện nhập khẩu), C/Q, chứng chỉ kiểm tra chất lượng đối với các loại vật tư thiết bị trước khi đưa vật tư, thiết bị vào thi công công trình.

- Tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình đều phải mới 100%. Vật tư, vật liệu, thiết bị khi chuyển đến công trường phải còn nguyên đai, nguyên kiện, tem xuất xưởng và tem mã hiệu phải rõ ràng, không bong tróc và phải có xuất xứ, mã hiệu chủng loại theo đúng như đề xuất của nhà thầu trong HSDT.

Nhà thầu phải nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ các chủng loại vật tư, vật liệu dùng cho gói thầu; số lượng chủng loại vật tư, vật liệu phù hợp với bảng kê phân tích của nhà thầu. Nhà thầu phải kê khai đầy đủ các loại vật tư, vật liệu dùng cho gói thầu theo mẫu bảng dưới đây:

Bảng 2.1: Các loại vật tư, vật liệu sử dụng cho gói thầu

STT	Tên vật tư, thiết bị	Hãng sản xuất hoặc Xuất xứ hoặc nguồn gốc (nhà thầu đề xuất)	Tiêu chuẩn về phương pháp thử hoặc tiêu chuẩn về sản xuất (nhà thầu đề xuất)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xi măng PCB30	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế; đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, hãng sản xuất và nhãn mác (nếu có) trong E-HSDT.
2	Cát vàng	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế; đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Có Hợp đồng nguyên tắc của đơn vị cung cấp hợp pháp.
3	Cát đen	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế; đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Có Hợp đồng nguyên tắc của đơn vị cung cấp hợp pháp.

4	Đá cấp phối	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế; đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Có Hợp đồng nguyên tắc của đơn vị cung cấp hợp pháp.
5	Sàn deck	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế; đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, hãng sản xuất và nhãn mác (nếu có) trong E-HSDT.
6	Sơn lót	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế; đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, hãng sản xuất và nhãn mác (nếu có) trong E-HSDT.
7	Sơn phủ	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế; đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, hãng sản xuất và nhãn mác (nếu có) trong E-HSDT.
8	Đá granit tự nhiên	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế; đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Có Hợp đồng nguyên tắc của đơn vị cung cấp hợp pháp.
9	Gạch ốp, lát	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế; đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, hãng sản xuất và nhãn mác (nếu có) trong E-HSDT.
10	Tôn lợp	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế; đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, hãng sản xuất và nhãn mác (nếu có) trong E-HSDT.
11	Tấm thạch cao	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế; đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, hãng sản xuất và nhãn mác (nếu có) trong E-HSDT.
12	Vật tư, thiết bị điện	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế; đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, hãng sản xuất và nhãn mác (nếu có) trong E-HSDT.
13	Vật tư, thiết bị cấp thoát nước	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế; đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, hãng sản xuất và nhãn mác (nếu có) trong E-HSDT.

Bảng 2.2: Các loại thiết bị sử dụng cho gói thầu

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu về thông số
A	Hệ thống mạng dữ liệu			

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu về thông số
1	Tủ thiết bị mạng trung tâm 12U (bao gồm nắp, quạt, thanh ổ cắm điện và các phụ kiện khác)	Tủ	1,	Kích thước: Chiều cao H620(mm) x Chiều rộng W550(mm) x Chiều Sâu D600(mm) Màu sắc: Ghi Độ dày thép: Toàn bộ tủ mạng 12u sâu d600 được sản xuất bằng chất liệu thép dày 1mm – 1.8mm Quy cách: tủ treo. Thân tủ mạng 12u được thiết kế dạng khung có kết cấu hàn liền chịu tải cao Mặt sau tủ mạng 12U rack được thiết kế với dạng tấm. Kết cấu mặt trước tủ rack 12u cửa mica để dễ dàng quan sát các thiết bị bên trong Hệ thống làm mát tủ mạng gồm 1 quạt gắn nóc tủ và 1 khung chờ khi có nhu cầu lắp thêm quạt tản nhiệt
2	Thiết bị chuyển mạch truy cập (Access Switch): 24 port 10/100/1000 Mbps Base-T, 2 port SFP - 1GE	Bộ	2,	24 port 10/100/1000 Mbps Base-T, 2 port SFP - 1GE Những Tính Năng Nổi Bật: Công nghệ năng lượng hiệu quả sáng tạo tiết kiệm năng lượng lên đến 40% Hỗ trợ tự học địa chỉ MAC, tự động MDI/MDIX và đàm phán tự động Thiết kế cắm vào và sử dụng
3	Patch Panel 24 port	Cái	6,	Dòng sản phẩm: Patch panel Chuẩn kết nối: 24 port Cat6 Loại sản phẩm: Patch panel 24 port
4	Tủ thiết bị mạng tầng 6U (bao gồm nắp, quạt, thanh ổ cắm điện và các phụ kiện khác)	Tủ	3,	Đặc điểm nổi bật: Nhỏ gọn thuận tiện treo tường Màu sắc: Màu trắng, được sơn tĩnh điện Kích thước: Cao 320* Rộng 550 * Sâu 500 (mm) Phụ kiện: 01 Quạt hút gió công suất 24W, Ổ cắm điện 3 châu đa năng. Bảo hành: 12 tháng Tải trọng: 30kg Chất liệu: Thép CT3 vỏ tủ 0.8mm, khung gắn thiết bị 1.5mm
5	Thiết bị chuyển mạch truy cập (Access Switch): 24 port 10/100/1000 Mbps Base-T, 2 port SFP - 1GE	Bộ	7,	24 port 10/100/1000 Mbps Base-T, 2 port Những Tính Năng Nổi Bật: Công nghệ năng lượng hiệu quả sáng tạo tiết kiệm năng lượng lên đến 40% Hỗ trợ tự học địa chỉ MAC, tự động MDI/MDIX và đàm phán tự động Thiết kế cắm vào và sử dụng
6	Patch Panel 24 port	Cái	7,	Dòng sản phẩm: Patch panel Chuẩn kết nối: 24 port Cat6 Loại sản phẩm: Patch panel 24 port
7	Bộ phát wifi	Bộ	13,	Trang bị băng tần kép: tốc độ 1201 Mbps - 5 GHz và 300 Mbps - 2.4 GHz

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu về thông số
				Trang bị công nghệ Wifi 6 mới nhất Công nghệ OFDMA và MU-MIMO kết nối nhiều thiết bị và giảm độ trễ CPU ba nhân 1.5GHz 4 ăng ten và công nghệ Beamforming tăng vùng phủ sóng Tương thích
8	Bơm tăng áp	bộ	1,	Bơm tăng áp, Q ≥ 5m ³ /h, H ≥ 15m; điện áp 1 pha 250V-50hz

***Ghi chú:**

- Nhà thầu phải đưa ra Bảng danh mục tất cả vật tư và thiết bị do Nhà thầu cung cấp để thực hiện gói thầu này (kê tối thiểu theo danh mục các vật tư, hàng hoá thiết bị, phụ kiện chủ yếu nêu ở trên). Nếu Nhà thầu không có bảng danh mục cụ thể thì E-HSĐT của Nhà thầu sẽ bị đánh giá **Không Đạt** ở nội dung này. Nhà thầu phải có Bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đối với thông số kỹ thuật của vật tư, thiết bị tại bảng theo mẫu dưới đây:

STT	Thiết bị, vật liệu	Yêu cầu tại E-HSMT	Đề xuất của Nhà thầu (ghi rõ chủng loại, nhà sản xuất, mã hiệu, xuất xứ, thông số kỹ thuật...)	Tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật (Ghi rõ tên file, phần, trang số, dòng....)
1	- Nhà sản xuất: - Model: - Xuất xứ: - Thông số kỹ thuật:	
2		
3		
...		

3. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật về tổng mặt bằng

Nhà thầu phải có thuyết minh và bản vẽ tổng mặt bằng thi công tại công trường, trong đó thể hiện các vị trí: khu vực nhà tạm phục vụ điều hành thi công, kho bãi tập kết vật liệu, vật tư, thiết bị; bố trí rào chắn, biển báo; mạng lưới cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công, đầy đủ, phù hợp với thực tế công trình.

Ngoài ra nhà thầu phải thuyết minh giải pháp cung cấp các tiện ích để phục vụ nhu cầu sinh hoạt cần thiết của người lao động trên công trường, bao gồm: Nhà (khu) ăn, chỗ ở tạm, khu thay đồ, khu vệ sinh, khu tắm, giặt và những tiện ích khác theo các quy định của pháp luật về ATVSLĐ, an toàn thực phẩm và bảo vệ

sức khỏe nhân dân.

Nhà thầu nêu số lượng bố trí hồ tiêu (hoặc nhà vệ sinh), vòi nước rửa tay trên công trường và thuyết minh tính toán (nếu có). Số lượng bố trí phải phù hợp với số lượng nhân sự trung bình bố trí trên công trường và phù hợp với các quy định hiện hành.

Trong trường hợp nhà thầu bố trí tổng mặt bằng khác so với yêu cầu tại mục này thì nhà thầu phải có thuyết minh cụ thể và đưa ra giải pháp phù hợp.

4. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật thi công đối với các hạng mục của gói thầu

Nhà thầu có đề xuất bản vẽ và thuyết minh biện pháp thi công đối với các hạng mục: Công tác chuẩn bị khởi công (Công tác trắc đạc, tiếp nhận – quản lý mốc giới); Công tác thi công phá dỡ; Công tác thi công móng; Công tác thi công kết cấu thép; Công tác thi công bê phốt; Công tác thi công hoàn thiện (xây, trát, ốp, lát, sơn, trần thạch cao, lan can, tôn lợp, thi công lắp dựng cửa); Công tác thi công hệ thống điện; Công tác thi công hệ thống cấp thoát nước; Công tác cung cấp lắp đặt thiết bị.

Các giải pháp của nhà thầu phải phù hợp với yêu cầu của hồ sơ thiết kế và các quy định hiện hành.

Yêu cầu Đối với từng công tác/ Hạng mục thi công nhà thầu cần trình bày đầy đủ các nội dung sau:

- Tóm tắt các công tác, công việc chính;
- Trình bày các tiêu chuẩn, quy phạm áp dụng cho công tác;
- Trình bày giải pháp thi công, giải pháp bố trí máy móc, nhân sự cho công tác;
- Trình bày biện pháp thi công chi tiết cho công tác.

Nhà thầu có thể đề xuất thêm các giải pháp kỹ thuật thi công cho các hạng mục khác mà nhà thầu thấy cần thiết.

5. Tiến độ thi công

Thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành công trình theo quy định tại Mục II, chương V, E-HSMT.

Nhà thầu phải cung cấp thuyết minh tiến độ thi công, biểu đồ tiến độ thi công (gồm biểu đồ huy động nhân sự, vật tư, thiết bị). Các nội dung này phù hợp với tính chất và yêu cầu của gói thầu. Trong đó:

+ Biểu đồ tiến độ thi công thể hiện tiến độ các hạng mục thi công chính theo khoản 4, Mục III, chương V của E-HSMT.

+ Biểu huy động nhân sự phải thể hiện được số lượng nhân sự huy động

cho gói thầu; biểu huy động thiết bị phải bao gồm tối thiểu các thiết bị theo yêu cầu tại chương III của E-HSMT.

Nhà thầu có đề xuất các giải pháp bảo đảm tiến độ thi công khi có các điều kiện bất lợi ra trên công trường. Các sự cố bao gồm: Mưa bão; Mất điện; Dịch bệnh; Mất an toàn cháy nổ. Ngoài ra nhà thầu có thể đề xuất thêm các giải pháp cho các trường hợp khác mà nhà thầu thấy cần thiết.

6. Các biện pháp bảo đảm chất lượng

6.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công:

Nhà thầu đề xuất các nội dung sau:

- Biện pháp đảm bảo chất lượng cho các loại vật tư, vật liệu, thiết bị trước khi đưa vào công trường.

- Biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị trên công trường.

- Biện pháp xử lý vật tư, vật liệu, thiết bị không đảm bảo trước khi đưa vào sử dụng.

6.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng máy móc để phục vụ công tác thi công:

Nhà thầu đề xuất các nội dung sau:

- Biện pháp đảm bảo số lượng thiết bị máy móc huy động cho gói thầu phù hợp với tiến độ thi công.

- Biện pháp đảm bảo chất lượng thiết bị máy móc hoạt động trong quá trình thi công.

- Biện pháp xử lý khi thiết bị máy móc bị hỏng hóc trong quá trình thi công.

6.3. Biện pháp đảm bảo chất lượng cho tất cả các công tác thi công của gói thầu

Nhà thầu phải có quy trình kiểm soát chất lượng các công tác thi công và thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng cho tất cả các công tác thi công của hạng mục được mô tả tại khoản 4, Mục III, chương V của E-HSMT. Trong đó nhà thầu nêu rõ các căn cứ pháp lý (quy chuẩn, tiêu chuẩn...) để nghiệm thu chất lượng công việc, các căn cứ này phải còn hiệu lực và phù hợp với nội dung gói thầu. Nếu các căn cứ này không còn hiệu lực thì nội dung này của nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng.

7. Yêu cầu về việc bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động

Nhà thầu phải đề xuất các nội dung liên quan đến Biện pháp bảo đảm vệ

sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an ninh khu vực trong quá trình thi công gồm các nội dung cơ bản sau:

- Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không gây ảnh hưởng, ô nhiễm đến môi trường, nguồn nước sinh hoạt chung.

- Biện pháp xử lý phế thải trong quá trình thi công gây ra và chất thải sinh hoạt hằng ngày của nhân công, ban chỉ huy công trình,...

- Biện pháp việc kiểm soát bụi bặm, ô nhiễm môi trường do phương tiện vận chuyển và quá trình thi công gây ra.

- Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động;

- Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công;

- An toàn giao thông ra vào công trường;

- Biện pháp đảm bảo an toàn cho các hạng mục công trình liền kề;

- Văn bản cam kết trang bị đầy đủ trang thiết bị, phương tiện, bảo hộ lao động cho người lao động theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Biện pháp phòng cháy, chữa cháy trong quá trình thi công.

- Biện pháp đảm bảo an ninh khu vực lân cận có yếu tố ảnh hưởng từ quá trình tổ chức thi công công trình.

8. Yêu cầu về bảo hành.

Yêu cầu về thời gian bảo hành: Không ít hơn 24 tháng đối với thiết bị, hàng hoá và tối thiểu 12 tháng đối với xây dựng.

Nhà thầu phải trình bày các nội dung sau:

- Nhà thầu có đề xuất kế hoạch bảo hành cho công trình;

- Thời gian bảo hành công trình do nhà thầu đề xuất phải cụ thể và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

9. Một số lưu ý về thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

(a) Nhà thầu không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ các nội dung công việc, nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng thì bị xem xét phạt vi phạm hợp đồng.

Nhà thầu chỉ bị áp dụng phạt vi phạm hợp đồng trong trường hợp nguyên nhân vi phạm được xác định rõ là do lỗi của Nhà thầu, không thuộc các trường hợp bất khả kháng, thay đổi thiết kế, phát sinh khối lượng, thay đổi yêu cầu sử dụng, chậm trễ do Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát hoặc các nguyên nhân khách quan khác.

(b) Các khoản phạt quy định từ khoản 9.1 đến khoản 9.6 dưới đây là các khoản phạt vi phạm hợp đồng, vi phạm thỏa thuận của các bên ký kết hợp đồng.

Việc áp dụng phạt chỉ được thực hiện khi:

- Đã có sự nhắc nhở, yêu cầu khắc phục bằng văn bản (tối thiểu 1 lần) của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát đối với Nhà thầu thi công.

- Quá thời gian yêu cầu của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát mà Nhà thầu vẫn chưa khắc phục hoặc khắc phục chưa đầy đủ.

- Có biên bản xác định rõ nội dung vi phạm, nguyên nhân và trách nhiệm rõ ràng của Nhà thầu vi phạm.

(c) Thực hiện các khoản phạt hợp đồng này không có nghĩa là Nhà thầu được miễn trừ trách nhiệm trong việc phải thực hiện biện pháp khắc phục các công việc đã vi phạm hợp đồng. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của hợp đồng, quy định của pháp luật (nếu có) chỉ khi có thực tế thiệt hại phát sinh và được chứng minh bằng văn bản nguyên nhân là do lỗi của Nhà thầu.

(d) Nhà thầu sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm kể cả chi phí các khoản cơ quan quản lý Nhà nước phạt Chủ đầu tư do các lỗi vi phạm của Nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Việc áp dụng phạt chỉ được thực hiện khi đã xác định rõ bằng văn bản có căn cứ pháp lý, quy định cụ thể chỉ ra nguyên nhân trực tiếp là do lỗi của Nhà thầu, không áp dụng trong trường hợp lỗi thuộc về Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát hoặc các bên liên quan khác.

(e) Tổng số tiền phạt (phạt tiến độ, phạt chất lượng, phạt an toàn,..) không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm, đồng thời phải phù hợp theo quy định của pháp luật về xây dựng.

9.1 Phạt Nhà thầu vi phạm không đảm bảo tiến độ

Việc áp dụng các mức phạt dưới đây chỉ được thực hiện khi tiến độ thi công đã được phê duyệt hoặc điều chỉnh chính thức bằng văn bản, và nguyên nhân chậm tiến độ được xác định rõ là do lỗi của Nhà thầu.

(a) Nhà thầu chậm trễ không hoàn thành thời hạn hoàn thành theo hợp đồng thì sẽ bị phạt: 0,1% giá trị phần công việc bị chậm tiến độ cho mỗi ngày chậm, sau khi đã có văn bản nhắc nhở và yêu cầu khắc phục.

(b) Nhà thầu tự ý dừng thi công các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký mà không đúng quy định, không thuộc các trường hợp được phép dừng thi công theo quy định của pháp luật về xây dựng, thì bị phạt 10.000.000 VND/01

lần vi phạm.

9.2 Phạt Nhà thầu vi phạm không đảm bảo an toàn; vệ sinh, môi trường

Việc áp dụng phạt chỉ thực hiện khi hành vi vi phạm gây nguy cơ mất an toàn hoặc ảnh hưởng thực tế, đã được nhắc nhở bằng văn bản ít nhất 1 lần nhưng Nhà thầu không khắc phục.

Các nội dung phạt được quy định cụ thể tại các mục dưới đây, tuy nhiên:

- Không áp dụng đồng thời nhiều mức phạt cho cùng một hành vi.
- Không áp dụng phạt nếu vi phạm phát sinh do điều kiện khách quan hoặc yêu cầu thi công đặc thù đã được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

(a) Nhà thầu thực hiện công việc khi không có các biện pháp đảm bảo an toàn; đảm bảo PCCN; đảm bảo vệ sinh môi trường đã được TVGS, Chủ đầu tư chấp thuận thì sẽ bị phạt: 5.000.000 VND / 1 lần;

(b) Nhà thầu đốt lửa trong phạm vi công trường thì sẽ bị phạt: 5.000.000 VND / trường hợp;

(c) Nhà thầu đấu nối, sử dụng điện sai quy định không đảm bảo an toàn thì sẽ bị phạt: 5.000.000 VND / 1 lần.

(d) Nhà thầu không có cán bộ an toàn hoặc cán bộ vệ sinh, môi trường chuyên trách thì sẽ bị phạt: 5.000.000 VND / 1 lần;

(e) Nhà thầu để công nhân uống rượu trên công trường khi làm việc thì sẽ bị phạt: 1.000.000 VND/người;

(f) Nhà thầu để công nhân, cán bộ không đủ dụng cụ, thiết bị an toàn (bảo hộ theo quy định...) thì sẽ bị phạt: 500.000 VND / người vi phạm tại thời điểm kiểm tra;

(g) Nhà thầu để thiết bị thi công không có đăng ký, kiểm định; lái máy không có chứng chỉ quá thời gian 48 tiếng kể từ khi được TVGS lập biên bản nhắc nhở và yêu cầu khắc phục thì sẽ bị phạt: 5.000.000 VND / 1 lần.

(h) Trừ trường hợp được bố trí trực bảo vệ, trực kỹ thuật theo kế hoạch được phê duyệt, Nhà thầu để công nhân ở lại trong công trường ngoài giờ làm việc mà không được sự đồng ý chấp thuận của Đại diện Chủ đầu tư thì sẽ bị phạt: 5.000.000 VND / 1 lần.

9.3 Phạt Nhà thầu vi phạm không đảm bảo chất lượng

Các nội dung vi phạm không đảm bảo chất lượng được quy định cụ thể tại các mục dưới đây, tuy nhiên việc áp dụng phạt chỉ thực hiện khi:

- Hành vi vi phạm gây ảnh hưởng thực tế đến công tác quản lý, tiến độ hoặc chất lượng dự án.

- Đã có nhắc nhở bằng văn bản 1 lần đối với Nhà thầu.
- Có biên bản xác định rõ nội dung vi phạm, nguyên nhân và trách nhiệm rõ ràng của Nhà thầu vi phạm.

(a) Nhà thầu thực hiện công việc khi không có các biện pháp thi công đã được TVGS, Chủ đầu tư chấp thuận thì sẽ bị phạt: 5.000.000 VND / 1 lần;

(b) Nhà thầu không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ hạng mục công việc theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt thì sẽ bị phạt: 5.000.000 VND / 1 lần;

(c) Nhà thầu không dừng thi công và không khắc phục ngay công việc không đảm bảo chất lượng khi có yêu cầu thì sẽ bị phạt: 5.000.000 VND / 1 lần;

(d) Nhà thầu thi công các công việc tiếp theo khi chưa được TVGS nghiệm thu thì sẽ bị phạt: 5.000.000 VND / 1 lần;

(e) Nhà thầu thi công khi chưa được nghiệm thu chuyển giai đoạn theo quy định thì bị phạt: 5.000.000 VND / 1 lần;

Ngoài việc bị phạt, Nhà thầu phải tự chịu chi phí khắc phục, tháo dỡ, thi công lại phần không đạt.

9.4 Phạt Nhà thầu vi phạm không đảm bảo các thủ tục hành chính

Các nội dung vi phạm thủ tục hành chính quy định cụ thể tại các mục dưới đây, tuy nhiên việc áp dụng phạt chỉ thực hiện khi:

- Hành vi vi phạm gây ảnh hưởng thực tế đến công tác quản lý, tiến độ hoặc chất lượng dự án.

- Đã có nhắc nhở bằng văn bản 1 lần đối với Nhà thầu.

- Có biên bản xác định rõ nội dung vi phạm, nguyên nhân và trách nhiệm rõ ràng của Nhà thầu vi phạm.

(a) Nhà thầu không có người đại diện hoặc người đại diện không có đủ thẩm quyền tham dự các cuộc họp thì sẽ bị phạt: 2.000.000 VND/1 lần.

Chỉ áp dụng phạt khi Nhà thầu không có lý do chính đáng, không có trả lời bằng văn bản, email về lý do xin hoãn, xin vắng mặt.

(b) Nhà thầu không tuân thủ và/ hoặc thực hiện không đầy đủ các chỉ thị, cảnh báo của Chủ đầu tư, các bên liên quan mà không có lý do chính đáng; thiếu trách nhiệm thực hiện công việc thì sẽ bị phạt: 5.000.000 VND / 1 lần;

(c) Nhà thầu không có sự phối hợp và /hoặc phối hợp không hiệu quả với các Nhà thầu khác, các bên liên quan khi được Chủ đầu tư yêu cầu gây ảnh hưởng tiêu cực tới công việc thì sẽ bị phạt: 5.000.000 VND / 1 lần;

(d) Nhà thầu chậm nộp hồ sơ hoàn công, hồ sơ chất lượng, hồ sơ thanh toán theo thời hạn quy định thì bị phạt 0,05% giá trị đợt thanh toán/ngày chậm.

9.5. Phạt do huy động nhân sự, thiết bị không đúng cam kết/đề xuất trong HSĐT: Nhà thầu tự ý thay đổi nhân sự chủ chốt hoặc không huy động thiết bị theo hồ sơ dự thầu mà không được chấp thuận thì bị phạt 5.000.000 VND/lần và phải thay thế trong thời gian yêu cầu của Chủ đầu tư.

9.6. Phạt do làm ảnh hưởng tới hoạt động chuyên môn Bệnh viện: Nhà thầu thi công gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động khám chữa bệnh do không tuân thủ phương án thi công được phê duyệt thì bị phạt 10.000.000 VND/lần vi phạm

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ được đính kèm theo E-HSMT này.